TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 18-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2017/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn T,** sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 2, ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Kim H,** sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 2, ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T, bị đơn chị Phạm Thị Kim H thống nhất nội dung trình bày: anh chị quen biết và cảm thấy thương yêu nhau nên cả hai cùng yêu cầu gia đình tác hợp để thành vợ thành chồng. Năm 1997, anh chị tổ chức lễ cưới và coi nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung được 02 con thì phát sinh mâu thuẫn do chị H không tin tưởng tình cảm, hay ghen vô cớ, vợ chồng ly thân, rồi sum hợp, rồi lại ly thân, thấy không hạnh phúc nên anh chị không sống chung từ tháng 6/2016 đến nay.

Nay, anh chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết:

[2]Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim H đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

[3] Về con chung: có 02 con chung:

+ Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997, cháu đã thành niên, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nguyễn Tấn A, sinh ngày 28/02/2003, hiện cháu A đang sống với chị H.

[4]Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng tự thỏa thuận.

[5] Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh chị không ý kiến và yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án hôn nhân gia đình có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập thêm chứng cứ, tài liệu nên được Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục rút gọn được quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Năm 1997, anh T, chị H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống và coi nhau là vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi cư trú của anh chị để đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù, tại phiên Tòa, chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T nhưng không được công nhận. Anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Thẩm phán xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận anh T và chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung:

+ Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997, cháu đã thành niên, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Nguyễn Tấn A, sinh ngày 28/02/2003, hiện cháu A đang sống với H, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng và anh T đồng ý nên Tòa án giao cháu An cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập

được. Tuy nhiên, chị H phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh T đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng tự thỏa thuận. Nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh chị không ý kiến và yêu cầu nào khác.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 14, Điều 15, Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 317; Điều 318; Điều 320 và Điều 321 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Tấn T với chị Phạm Thị Kim H là vợ chồng.

Về con chung:

+ Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997, cháu đã thành niên, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Chị Phạm Thị Kim H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 28/02/2003 đến thành niên hoặc tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh T đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016107 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Chị Phạm Thị Kim H không phải chịu án phí.

Anh T, chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi Nhận* :**
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Chí Keo